

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN QUYẾT

MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC XÃ HỘI
VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 62.22.03.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI – năm 2016

Công trình này được hoàn thành tại: **Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Nguyễn Minh Phương

2. PGS TS. Chu Văn Tuấn

Phản biện 1: **GS.TS Trần Thành**

Phản biện 2: **GS. TS Lê Hữu Nghĩa**

Phản biện 3: **PGS.TS Nguyễn Ngọc Hà**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện tại: Học viện Khoa học xã hội Việt Nam

vào hồi...giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- **Thư viện Học viện Khoa học Xã hội**
- **Thư viện Quốc gia Việt Nam**

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Quyết, “Mối quan hệ công dân với nhà nước là nền tảng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 9/2013, tr 41 – 44.

2. Nguyễn Văn Quyết, “Mối quan hệ giữa công dân với nhà nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh và vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và truyền thông*, số 7/2014, tr 10 – 14.

3. Nguyễn Văn Quyết, “Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 32, tháng 8/2014, tr. 88-93.

4. Nguyễn Văn Quyết, “Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong hoạt động phản biện xã hội giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 39, tháng 10/2015, tr. 88-93.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các tổ chức xã hội với tư cách là hình thức liên hiệp của con người là một trong những phương thức tổ chức đời sống xã hội cần thiết, hợp lý trong lĩnh vực “phi nhà nước”, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, tự giác, tự quản của người dân, cộng đồng dân cư, đồng thời góp phần tạo ra sự cân bằng giữa nhà nước và cá nhân, các cộng đồng dân cư. Các tổ chức xã hội phát triển rất nhanh, đa dạng về loại hình, phong phú về nội dung hoạt động và là kết quả phát triển của nền kinh tế thị trường. Khác với các xã hội trong nền kinh tế phi thị trường, trong các nền kinh tế tự cung tự cấp, cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường được tự phát tổ chức lại theo tiến trình phát triển phân công lao động xã hội. Những người lao động vì lợi ích của mình mà liên kết, hợp tác với nhau để sản xuất và bảo vệ lợi ích của mình. Do đó, các tổ chức xã hội, các tổ chức nghề nghiệp ra đời ngày càng tăng. Sự liên kết giữa các tổ chức xã hội từ doanh nghiệp đến phạm vi quốc gia. Xã hội được tổ chức phù hợp với kinh tế thị trường như vậy được gọi là một hệ thống tổ chức xã hội bên ngoài hệ thống tổ chức Nhà nước. Ngày nay nhiều tổ chức xã hội (ngoài Nhà nước) đã hình thành trên phạm vi khu vực và quốc tế. Vấn đề xã hội không chỉ là vấn đề quốc gia, mà còn là vấn đề quốc tế với những tiêu chí đánh giá chung. Điều này cho thấy sự ra đời Nhà nước pháp quyền và hệ thống các tổ chức xã hội là kết quả tất yếu do nghiên cứu phát triển của kinh tế thị trường. Ba bộ phận đó cấu thành hệ thống của một thể chế kinh tế chính trị, mà sự hoàn thiện của hệ thống thể chế hoàn toàn chỉ dựa vào sự liên hệ tương tác với nhau giữa ba bộ phận. Đó chính là quá trình phát triển chế độ dân chủ. Không hình thành hệ thống với ba bộ phận và không có quy chế liên hệ tương tác thì thể chế kinh tế chính trị chỉ dừng lại ở mong muốn chủ quan, kinh tế thị trường sẽ trở nên hoang dại. Thể chế Nhà nước của quốc gia sẽ sa vào quan liêu, tham nhũng nặng nề. Do vậy trong xã hội hiện đại, sự tương tác giữa nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và

hệ thống các tổ chức xã hội là quy luật tất yếu khách quan, không thể phủ nhận.

Ở nước ta, thực tiễn 30 năm đổi mới cho thấy, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội có điều kiện để phát triển nhanh. Vai trò của các tổ chức xã hội ngày càng trở nên quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội mà nhà nước “không với tới” hoặc kém hiệu quả trong đời sống của các cộng đồng dân cư; góp phần làm giảm tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, bởi những hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích của các tổ chức này đối với từng nhóm cộng đồng. Các tổ chức xã hội góp phần phát huy dân chủ, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật và thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực, chủ động tham gia cung ứng dịch vụ công, hỗ trợ cho hoạt động của Chính phủ trong việc phân phối dịch vụ, tăng chất lượng dịch vụ, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, góp phần hiện thực các mục tiêu phát triển xã hội.

Tuy nhiên, hiện nay, một số tổ chức xã hội hoạt động còn hình thức, kém hiệu quả, chưa đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đoàn viên, hội viên, có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự tài trợ của Nhà nước; có xu hướng “hành chính hóa” về mặt tổ chức và hoạt động, do đó khả năng thu hút, tập hợp hội viên bị hạn chế. Vai trò tham gia quản lý phát triển xã hội chưa được thể hiện rõ trong thực tế. Việc tham gia cung cấp dịch vụ công trong nhiều trường hợp chưa được triển khai đúng với tôn chỉ và mục đích đã đăng ký, thậm chí có trường hợp chạy theo lợi nhuận đơn thuần, hoặc lợi dụng danh nghĩa tổ chức phi lợi nhuận để trốn thuế, gây tổn hại đối với lợi ích xã hội. Trong khi đó một số cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng và tác dụng của các tổ chức xã hội trong đời sống xã hội; những tư tưởng bần khổ, e ngại, thiếu niềm tin vào các tổ chức xã hội, có biểu hiện xem nhẹ vai trò, tác dụng của các tổ chức này; chậm ban hành, sửa đổi các

văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội cho phù hợp tình hình mới.

Thực tiễn đã khẳng định sự hình thành và phát triển của các tổ chức xã hội là một tất yếu khách quan gắn liền với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo điều kiện để người dân được làm những việc mà pháp luật không cấm, nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích ngày càng phong phú, đa dạng của mình. Nhà nước pháp quyền đặt ra những đòi hỏi về phát huy dân chủ nhằm đảm bảo thực thi các quyền con người, các quyền tự do cơ bản của công dân, trong đó có các quyền liên kết với nhau một cách tự nguyện, tự quản thành các tổ chức xã hội, nhằm thỏa mãn các nhu cầu và lợi ích nhất định của cá nhân, cộng đồng dân cư. Giữa các tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mối quan hệ khăng khít, bền chặt trong sự phát triển xã hội. Với cách đặt vấn đề như vậy, việc nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay để phát huy vị trí, vai trò của từng nhân tố có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung phân tích, làm rõ mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu hoàn thiện các quy định và tổ chức thực hiện các quy định về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu là:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội với nhà nước pháp quyền trên thế giới và ở Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức xã hội, về nhà nước pháp quyền và mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền.

Thứ ba, phân tích và đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khi đất nước đổi mới đến nay.

Thứ tư, đề xuất quan điểm và các giải pháp hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

Luận án được hoàn thành dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội như:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Đây là phương pháp được sử dụng trong toàn bộ luận án, nhằm phân tích các tài liệu, số liệu, các quan điểm, luận điểm ... nhằm phân tích mối quan hệ giữa tổ chức xã hội với Nhà nước pháp quyền một cách toàn diện nhất.

- *Phương pháp logic - lịch sử*: Với phạm vi tư liệu trong suốt một tiến trình lịch sử tư tưởng triết học, chính trị học và luật học, người viết luôn ý thức đặt đối tượng nghiên cứu trong cả cái nhìn lịch sử để thấy được logic vận động nội tại trong quan niệm và biểu hiện của mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền trong các thời kì lịch sử xã hội và ở Việt Nam.

- *Phương pháp hệ thống*: Phương pháp này giúp tác giả có cách tiếp cận hợp lí để nhận diện bản chất của mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền đặt trong hệ thống các thành tố: tổ chức xã hội, nhà nước pháp quyền và kinh tế

thị trường.

- *Phương pháp so sánh*: Phương pháp so sánh cho phép người viết nhận diện sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm cũng như biểu hiện của mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền ở một số nước trên thế giới Việt Nam. Qua đó sẽ thấy những đặc thù trong mối quan hệ này ở Việt Nam hiện nay.

- *Phương pháp liên ngành khoa học xã hội*: Để thực hiện đề tài, người viết luôn có ý thức vận dụng những thành tựu của triết học, luật học, chính trị học, tâm lý học... để đạt được cái nhìn toàn diện nhất.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là mối quan hệ, tác động qua lại giữa các tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung vào một số vấn đề liên quan đến tổ chức xã hội, nhà nước pháp quyền và mối quan hệ giữa tổ chức xã hội với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về thời gian nghiên cứu: Luận án chỉ khảo sát mối quan hệ giữa các tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ khi Việt Nam bắt đầu đổi mới đến nay.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề cơ bản về tổ chức xã hội, nhà nước pháp quyền và về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ hai, luận án đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng quan hệ giữa các tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khi đổi mới đất nước đến nay và những vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ ba, luận án đề xuất các phương hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ hơn, sâu sắc hơn, hệ thống hơn các nghiên cứu về tổ chức xã hội, mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể coi là một tài liệu tham khảo, cung cấp thêm thông tin về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam dành cho các nhà nghiên cứu, các học giả, cũng như sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các chuyên ngành triết học, luật học, chính trị học ...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Trong những năm gần đây có nhiều công trình của các học giả trong và ngoài nước nghiên cứu về tổ chức xã hội (TCXH) và nhà nước pháp quyền (NNPQ) và quan hệ giữa TCXH với NNPQ, trong đó có NNPQ XHCN nói riêng với nhiều cách tiếp cận theo những lát cắt khác nhau, phương pháp tiếp cận khác nhau, quan điểm khác nhau. Qua sự tìm tòi, nghiên cứu và tiếp cận với những tư liệu liên quan đến đề tài, tác giả tổng quan tư liệu chủ yếu trên ba nhóm chủ đề lớn như sau:

1.1. Những nghiên cứu về cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền

Các nghiên cứu về lý thuyết NNPQ, về TCXH và mối quan hệ giữa TCXH và NNPQ trên thế giới đã tạo nên một cơ sở dữ liệu phong phú. Các nghiên cứu này đã xuất hiện ngay từ thời kỳ cổ đại, khi TCXH chủ yếu được đề cập dưới cách tiếp cận là một thành phần cơ bản của XHCD và XHDS với các công trình tiêu biểu: *Nền chính trị* của Platon, *Chính trị* của Aristotle, *Quân vương* của Nicolo Machiavelli, *Bàn về kế ước xã hội* của Rousseau, *Tinh thần pháp luật* của Montesquieu, *Nền dân trị Mỹ* của A. Tocqueville, *Sự luận giải về chính quyền* và *Luận thuyết thứ hai về chính quyền* của John Locke, *Góp phần phê phán triết học pháp quyền Hê-ghen*, *Gia đình thần thánh*, *Hệ tư tưởng Đức*, *Lịch sử liên đoàn những người cộng sản*, *Về vấn đề Do Thái*, *Luận cương về Phoi-ơ-bắc* của C.Mác C.Mác và Ph.Ăng-ghen.

Thời hiện đại, TCXH (dân sự) và mối quan hệ giữa TCXH (dân sự) và Nhà nước ngày càng được quan tâm. Tiêu biểu có một số công trình của c. Beaulieu, M. Sidel, M. Gray, Tomquyst (1998) “*Dân chủ hóa: từ xã hội công dân và vốn xã hội đến liên kết chính trị và sự chính trị hóa*”, Koh và Ling (2000), “*Mối quan hệ nhà nước - xã hội ở Singapore*”; Yang Tuan (2003), “*Chính sách xã hội ở Trung Quốc*”; Rueland và

Ladavalay, *Toàn cầu hóa và sự thay đổi chính trị ở Châu Á* của Robert P Weller, *Xã hội dân sự, ổn định chính trị, và quyền lực nhà nước ở Trung Á: hợp tác và tranh luận* của Charles E. Ziegler, *Xã hội dân sự trong thời kỳ khủng hoảng* của John Clark, *XHDS ở Malaysia và Thái Lan* của Lê Thị Thanh Hương, *XHCD Trung Quốc: những vấn đề lý luận và thực tiễn* của Phạm Ngọc Thạch ...

1.2. Những nghiên cứu về thực trạng mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền

1.2.2. Những nghiên cứu về mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền với tổ chức xã hội

Tập trung nghiên cứu sự tác động của NNPQ với các TCXH phải kể đến một số công trình tiêu biểu sau: “*Quan hệ giữa Nhà nước và XHDS Việt Nam, lịch sử và hiện đại*” (2003) của Lê Văn Quang và Văn Đức Thanh, “*Mối liên hệ giữa nhà nước với XHDS và vấn đề cải cách hành chính*” (2004) của Đào Trí Úc, “*Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự với vấn đề quyền và nghĩa vụ công dân*” (2006) của Phạm Thị Ngọc Trâm ...

1.2.3. Những nghiên cứu về quan hệ giữa tổ chức xã hội với nhà nước pháp quyền

Tiêu biểu là các công trình: “*Xây dựng nền dân chủ XHCN và NNPQ*” (1992) của tác giả Đỗ Nguyên Phương – Trần Ngọc Đường, “*Mối quan hệ pháp lý giữa cá nhân công dân với nhà nước*” (1994) của Trần Ngọc Đường – Chu Văn Thành, “*Xây dựng NNPQ từ sự hình thành XHCD*” (2004) của Nguyễn Thanh Bình, “*Về mối quan hệ giữa NNPQ XHCN với đời sống XHDS*” (2004) của Văn Đức Thanh, “*Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong NNPQ*” (2005) của Trần Hậu Thành, “*Xã hội dân sự, một số vấn đề chọn lọc*” (2008) do Vũ Duy Phú chủ biên, đề tài khoa học “*Vai trò của các tổ chức XHDS trong việc nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước trong điều kiện cải cách*” (2010) do Nguyễn Văn Sim chủ nhiệm, ...

1.3. Những nghiên cứu về phương hướng, giải pháp hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Các công trình chuyên sâu trong nội dung này cần phải kể đến bao gồm: “*Xã hội dân sự, một số vấn đề chọn lọc*” (2008) do Vũ Duy Phú chủ biên, “*Xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Dương Xuân Ngọc, “*Đổi mới quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở Việt Nam*” (2009) của Lê Hữu Nghĩa, Hoàng Chí Bảo, Bùi Đình Bôn đồng chủ biên, “*Phản biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*” (2009) của Hồ Bá Thâm và Nguyễn Tôn Thị Tường Vân, “*Về quá trình dân chủ hoá XHCN ở Việt Nam (Sách chuyên khảo)*” (2011) của Lê Minh Quân, “*Cơ sở lý luận về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” (2007) của Lê Minh Thông...

Tóm lại, các hướng nghiên cứu hết sức phong phú, đa dạng mặc dù chưa trọn vẹn và thống nhất trong cách nhìn nhận, đánh giá nhưng vẫn là những tài liệu có giá trị trong quan niệm về TCXH và mối quan hệ giữa các TCXH và NNPQ trên thế giới và ở Việt Nam.

1.4. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án

1.4.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

Các nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ của TCXH và NNPQ rất phong phú và khá toàn diện.

Khi đề cập mối quan hệ giữa TCXH và NNPQ, hầu hết các nghiên cứu thường mô tả các TCXH Việt Nam, coi các TCXH đóng vai trò hỗ trợ thụ động trong quan hệ của các TCXH và NNPQ. Hoặc các nghiên cứu chỉ chủ yếu tập trung vào một khía cạnh trong mối quan hệ biện chứng giữa các TCXH và NNPQ như vấn đề quyền và nghĩa vụ công dân, vấn đề tạo vốn xã hội và liên kết xã hội của TCXH; vấn đề tác động của TCXH đến dân chủ hóa xã hội, đến cải cách hành chính... Sự khiếm khuyết đó đã phần nào dẫn đến việc đánh giá không

đúng mức sức mạnh một trong những nhân tố quan trọng nhất của khu vực thứ ba và chưa có những ứng xử phù hợp với nó.

1.4.2. Hướng nghiên cứu của luận án

Luận án kế thừa những thành quả của các công trình đi trước, cùng với những quan sát sự biến đổi của thực tiễn mà việc xem xét các lý luận về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền, hệ thống hóa lại để lấy đó làm công cụ, thước đo, lăng kính nhìn nhận và nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luận án xác định các câu hỏi định hướng cho nghiên cứu như sau:

- *Câu hỏi thứ nhất:* Tổ chức xã hội là gì và đặc điểm của các tổ chức xã hội Việt Nam? Giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền có mối quan hệ với nhau như thế nào trong quá trình hình thành và phát triển của xã hội?

- *Câu hỏi thứ hai:* Khả năng và mức độ kết nối của tổ chức xã hội với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như thế nào?

- *Câu hỏi thứ ba:* Ý nghĩa của mối quan hệ này đối với Việt Nam hiện nay như thế nào?

Dựa trên những câu hỏi nghiên cứu này, việc triển khai đề tài này sẽ thực hiện và chú trọng vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, luận án trình bày về khái niệm, đặc điểm, vai trò mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó nhấn mạnh khai thác đặc điểm mối quan hệ này.

Thứ hai, luận án hệ nghiên cứu toàn diện quan hệ giữa các TCXH và NNPQ thông qua đánh giá lại mối quan hệ biện chứng này trên một số phương diện biểu hiện ở Việt Nam

Thứ ba, nêu được phương hướng, giải pháp có tính khả thi để chúng ta có được nhận thức đúng đắn hơn và vận dụng sáng tạo mối quan hệ giữa các TCXH và NNPQ ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ
GIỮA TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP
QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Quan niệm, đặc điểm mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Khái niệm mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Có thể hiểu mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền bao hàm vai trò và sự tương tác qua lại giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền trong một xã hội nhất định.

2.1.2. Quan niệm, loại hình, tính chất và vai trò của tổ chức xã hội

a. Quan niệm về tổ chức xã hội

Theo quan niệm của chúng tôi, “Tổ chức xã hội là tổ chức tự nguyện của người dân được thành lập một cách hợp pháp dựa trên cơ sở cùng ngành nghề, cùng giới, cùng sở thích... có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, thành viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mục đích hoạt động của tổ chức xã hội không trái lợi ích của dân tộc, Tổ quốc, với pháp luật và đạo đức xã hội”.

b. Loại hình các tổ chức xã hội Việt Nam

Ở nước ta hiện nay, các TCXH rất đa dạng về hình thức. Theo quy định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý thì TCXH ở nước ta có các tên gọi khác nhau: hội, liên hiệp hội, tổng hội, liên đoàn, hiệp hội, câu lạc bộ có tư cách pháp nhân và các tên gọi khác theo quy định của pháp luật với phạm vi hoạt động (theo lãnh thổ) gồm: hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh; hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoạt động trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hoạt động trong xã, phường, thị trấn.

c. Tính chất của tổ chức xã hội

Thứ nhất, TCXH có tính cộng đồng tự nguyện, không vì mục tiêu lợi nhuận.

Thứ hai, tính tự chủ của TCXH.

Thứ ba, tính tự quản, tự trị.

Thứ tư, TCXH mang tính công khai, dân chủ, minh bạch.

Thứ năm, tính độc lập so với nhà nước.

2.1.3. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những đặc trưng cơ bản của nó

a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền

Theo chúng tôi, quan điểm của nhóm tác giả công trình KX.04.01 về NNPQ là phù hợp nhất. Theo đó, “nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước. Đó là một nhà nước tồn tại, phát triển và vận hành trong môi trường pháp luật, coi pháp luật là tối thượng”.

b. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

NNPQ XHCN Việt Nam là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; thượng tôn pháp luật; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, tôn trọng các điều ước quốc tế.

2.1.4. Đặc điểm mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đặc điểm mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tính thống nhất giữa các mặt đối lập. Điều này được thể hiện trên một số khía cạnh như:

- Tính phụ thuộc và tính độc lập của tổ chức xã hội với nhà nước pháp quyền.

- Tính phối hợp, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và giám sát, phản biện đối với Nhà nước.

- Tính đồng thuận với Nhà nước và đấu tranh bảo vệ lợi ích các thành viên.

2.2. Nội dung mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Tác động của tổ chức xã hội với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.2.2.1. Tổ chức xã hội là một trong những nền tảng xã hội vững chắc để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.2.2.2. Tổ chức xã hội tham gia cùng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng xã hội, đồng thời tích cực tham gia giám sát và phản biện nhà nước

2.2.2.3. Tổ chức xã hội là trợ thủ đắc lực giúp nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực hiện quyền và lợi ích của nhân dân, thực hiện nguyên tắc Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

2.2.2.4. Tổ chức xã hội thúc đẩy và mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.2.2.5. Tổ chức xã hội tham gia điều tiết các mối quan hệ xã hội có liên quan đến nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.2.2.6. Tổ chức xã hội tích cực tham gia giải quyết những vấn đề mang tính tự quản, phát sinh từ đời sống của cộng đồng dân cư

2.2.2. Tác động của Nhà nước pháp quyền với tổ chức xã hội

Thứ nhất, NNPQ XHCN tạo lập môi trường hoạt động và xây dựng hành lang pháp lý để quản lý TCXH, thông qua đó định hướng phát triển của TCXH.

Thứ hai, NNPQ XHCN thông qua các đạo luật nhằm quy định và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, quyền con người, trong đó có quyền hội họp, quyền tham gia các TCXH.

Thứ ba, NNPQ XHCN đảm bảo cho pháp luật luôn giữ vị trí tối cao, các cá nhân, các TCXH phải tuân thủ tuyệt đối.

Thứ tư, NNPQ XHCN đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của việc kiểm tra, giám sát quá trình thực thi quyền lực, ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền hoặc xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân khi tham gia TCXH từ phía các cơ quan nhà nước.

Thứ năm, NNQP XHCN thường xuyên xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, điều chỉnh các chính sách thúc đẩy TCXH phát triển.

2.3. Các điều kiện đảm bảo mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.3.1. Điều kiện về chính trị

Việc hiện thực hóa sự tự do của công dân hay cá nhân bằng pháp luật đã phản ánh xã hội đã được tổ chức chặt chẽ bởi thiết chế pháp luật hay nói cách khác là chế độ NNQP được thiết lập. Đây cũng là cơ sở chính trị thứ hai, bên cạnh sự xuất hiện ý thức chính trị của người dân đạt đến trình độ nhất định cho sự ra đời các TCXH, nói một cách khác, đây là một khế ước để xác định, bảo vệ tự do cá nhân, các quyền cơ bản của cá nhân, công dân và quyền của nhà nước.

2.3.2. Điều kiện về kinh tế

Hệ thống TCXH phi nhà nước và mối quan hệ giữa chúng và NNQP xã hội chủ nghĩa chắc chắn không thể đi cùng với nghèo đói và chỉ tồn tại trong một mức độ phát triển nhất định về kinh tế. Quy mô, tính chất của nền kinh tế là điều kiện quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của mối quan hệ giữa TCXH và NNQP.

2.3.3. Kết cấu xã hội ảnh hưởng đến quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền

Sự đa dạng của kết cấu xã hội dẫn đến ý chí pháp luật của NNQP phải là sự thống nhất ý chí của nhân dân hoặc thống nhất ý chí về một phương thức giải quyết hòa bình trong các quan hệ xung đột về lợi ích. Vai trò tác động trở lại của NNQP trong lĩnh vực này là thiết lập các quy tắc giao tiếp chính trị một cách hòa bình, ổn định và minh bạch cho TCXH phát triển.

2.3.4. Điều kiện về truyền thống, văn hóa pháp lý và nhận thức về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền tác động đến tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền

Sự phát triển các TCXH phản ánh quá trình độ dân chủ hoá đời sống xã hội. Xét về mặt giá trị, quá trình này cũng

chính là một giá trị văn hóa chính trị và pháp lý và cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống. Sẽ khó có thể hình dung, các TCXH và các thể chế NNPQ sẽ phát triển trong một môi trường có những điều kiện không thuận lợi.

2.4. Mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền ở một số nước và giá trị tham khảo cho Việt Nam

2.3.1. Phương Tây

Tại một số nước phương Tây như Hoa Kỳ, Thụy Điển, Israel.., nhà nước đã phối hợp hết sức tốt với các TCXH trong việc chống lại nghèo đói, giải quyết vấn đề giáo dục, môi trường, y tế, giám sát, phản biện NNPQ... là một trong những cơ chế hết sức quan trọng nhằm hạn chế quyền lực nhà nước, thực thi dân chủ, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của nhà nước, nhất là trong việc kiểm soát các hành vi tham nhũng, xây dựng chính sách và đảm bảo tính dân chủ của HTCT.

2.3.2. Phương Đông

Khá giống các nước phương Tây, mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và NNPQ ở các nước phương Đông như Hồng Kông, Thái Lan, Singapo, Trung Quốc.. được thể hiện trên nhiều khía cạnh, trong đó tập trung nhất ở giải quyết các vấn đề xã hội và các tổ chức xã hội giám sát, phản biện NNPQ.

Và xuất phát từ chính thực tiễn đất nước, tham khảo những mô hình tốt, những kinh nghiệm quý của các quốc gia đi trước sẽ giúp Việt Nam rút ngắn thời gian tìm tòi mô hình thích hợp để có thể phát triển trong thời gian tới. Khi kinh tế phát triển đến một giai đoạn nhất định, giải quyết tốt những vấn đề xã hội sẽ giúp cho Việt Nam có thể phát triển ổn định, bền vững trong tương lai.

Trong Chương 2, luận án đã tập trung nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống các nội dung sau đây:

Một là, luận án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về TCXH và NNPQ XHCN Việt Nam với những quan niệm về tính chất, đặc trưng và tình hình hoạt động của TCXH và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. Đây là những tiền đề lý luận rất quan trọng cho việc xác định những nội dung trong mối quan hệ của các TCXH và NNPQ ở Việt Nam.

Hai là, luận án đã nhận diện những nội dung trong mối quan hệ của TCXH và NNPQ ở Việt Nam hiện nay và khẳng định TCXH có vai trò to lớn đối với NNPQ XHCN. Mối quan hệ giữa TCXH và NNPQ XHCN thường được xem xét dưới các góc độ: 1) Sự phát triển các TCXH là một trong những cơ sở hình thành nên NNPQ XHCN; 2) Các TCXH độc lập tương đối với Nhà nước, cùng Nhà nước phối hợp giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện việc giám sát, phản biện xã hội đối với Nhà nước. Trong khía cạnh thứ nhất - các TCXH là cơ sở hình thành NNPQ XHCN. Ở khía cạnh thứ hai, các TCXH thuộc về lĩnh vực nhóm xã hội, là tập hợp các tổ chức hội, đoàn thể độc lập với Nhà nước. Các TCXH chia sẻ và phối hợp cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội mà trong nhiều trường hợp vượt quá khả năng của Nhà nước, hoặc đó là những lĩnh vực mà các TCXH làm tốt hơn, huy động được nhiều nguồn lực xã hội hơn. Bên cạnh đó, các TCXH còn được coi như một thiết chế dân chủ trong việc giám sát quyền lực nhà nước. Và vì vậy, các TCXH cần phải được thiết lập theo nhiều hình thức, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự quản, độc lập với Nhà nước, từ đó mới có thể trở thành phương tiện giám sát nhà nước hữu hiệu.

Ba là, luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước ở một số nước trên thế giới cả ở phương Đông và phương Tây, từ đó chỉ ra một số giá trị tham khảo cho Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý các tổ chức xã hội.

Chương 3

MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội tác động đến quan hệ giữa tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, yêu cầu phát triển, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, yêu cầu xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN.

Thứ ba, yêu cầu phát huy và thực hành dân chủ của xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, là yêu cầu đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

3.2. Thực trạng quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ 1986 đến nay

Theo như phân tích trong chương 2, luận án khái quát mối quan hệ này trên một số điểm như sau.

3.2.1. Những thành tựu trong mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.2.1.1. Tác động tích cực của tổ chức xã hội tới nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Thứ nhất, TCXH tập hợp, đoàn kết, động viên các thành viên, hội viên giúp đỡ lẫn nhau về vật chất, tinh thần; thu hút đông đảo các hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động xã hội, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ đối với đất nước.

Thứ hai, các TCXH tham gia cùng NNPQ XHCN thực hiện chức năng xã hội, động viên trí tuệ của đông đảo các thành viên hội viên tham gia đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật, chế độ, chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và của các địa phương; thực hiện các hoạt động tư vấn, giám sát và phản biện xã hội.

Thứ ba, TCXH thúc đẩy và mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN.

Thứ tư, TCXH tham gia điều tiết các mối quan hệ xã hội có liên quan đến NNPQ XHCN, cùng nhà nước mở rộng quan hệ với các quốc gia, vùng, lãnh thổ và các tổ chức quốc tế, thực hiện đối ngoại nhân dân.

3.2.1.2. Tác động tích cực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đến tổ chức xã hội

Có thể khẳng định NNPQ XHCN Việt Nam luôn tạo lập môi trường hoạt động cho TCXH, đồng thời xây dựng hành lang pháp lý để quản lý các TCXH, thường xuyên xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với xu thế phát triển của các TCXH, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của việc kiểm tra, giám sát quá trình thực thi quyền lực nhà nước với TCXH, thông qua đó định hướng phát triển của các TCXH.

3.2.2. Những hạn chế trong mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cần phải khẳng định rằng, những kết quả tích cực trong mối quan hệ giữa các TCXH và NNPQ đã góp phần thực hiện các mục tiêu của xã hội, tuy nhiên trong mối quan hệ này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cụ thể sau:

Về phía các tổ chức xã hội:

Các hội, liên hiệp hội có xu hướng hành chính hóa, hình thành hệ thống tổ chức theo bốn cấp hành chính nhà nước; nội dung và phong cách hoạt động của đội ngũ cán bộ hội về cơ bản không khác với công chức hành chính nhà nước, thiếu kỹ năng vận động, thuyết phục quần chúng, hội viên và tác phong gương mẫu, sâu sát hội viên.

Ở các TCXH cộng đồng dân cư, trình độ cán bộ và chất lượng hoạt động còn nhiều hạn chế, nhất là trong quan hệ với chính quyền cơ sở. Các tổ chức tự hình thành, song nội dung hoạt động còn lúng túng.

Không ít thành viên và những người đứng đầu *hiệp hội và NGOs* nhận thức không đúng về vị trí, vai trò của Nhà nước đối với tổ chức mình, điều này dẫn đến hiểu lầm, thành kiến và làm

cho mối quan hệ giữa các TCXH này với Nhà nước trở nên hình thức, cứng nhắc.

Tại các *hiệp hội kinh tế* là công tác phát triển hội viên còn yếu, số lượng doanh nghiệp hội viên trên tổng số doanh nghiệp chưa cao; hoạt động của một số hiệp hội chưa hấp dẫn với các doanh nghiệp; công tác quảng bá doanh nghiệp còn yếu; hoạt động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để giải quyết các kiến nghị còn chậm; chưa thực hiện được việc hỗ trợ giải quyết tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp hội viên và doanh nghiệp chưa phải là hội viên vì thiếu chế tài và cán bộ am hiểu về pháp luật; việc tìm hiểu nắm bắt hoạt động của doanh nghiệp hội viên chưa được thường xuyên.

Về phía nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Nhận thức về vai trò của TCXH và mối quan hệ giữa TCXH và NNPQ XHCN Việt Nam còn hạn chế.

Thể chế quản lý NNPQ XHCN Việt Nam với các TCXH còn chưa hoàn thiện, đặc biệt là pháp luật về TCXH.

Ngoài ra, còn phải kể đến việc thể chế vai trò, chức năng giám sát, phản biện xã hội của các TCXH đối với Nhà nước còn thiếu.

Thêm nữa là tình trạng tham nhũng vẫn khá phổ biến, ảnh hưởng lớn tới uy tín của cán bộ công chức nhà nước.

3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Mối quan hệ giữa TCXH và NNPQ XHCN đặt ra nhiều vấn đề mới, đòi hỏi phải tập trung giải quyết trong thời gian tới:

Đầu tiên, cần tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng rõ hơn quan hệ giữa TCXH với NNPQ XHCN Việt Nam.

Thứ hai, để xây dựng chính quyền thực sự hợp lòng dân, gắn bó mật thiết với dân nhằm hoàn thiện quan hệ giữa TCXH với NNPQ, việc phát huy vai trò hạt nhân chính trị của chính quyền nhà nước đối với TCXH là bài học kinh nghiệm lớn.

Thứ ba, cần khẩn trương xây dựng hệ thống lý luận về TCXH trong điều kiện một Đảng Cộng sản cầm quyền.

Thứ tư, cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa NNPQ với TCXH trong điều kiện phát triển KTTT.

Thứ năm, khẩn trương xây dựng và hoàn thiện cơ chế phản biện và giám sát của TCXH. Trong tiêu chí NNPQ XHCN nhấn mạnh nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, Nhà nước hoạt động dưới sự giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể CT-XH và nhân dân.

Cuối cùng, cần ngăn chặn nguy cơ chệch hướng trong phát triển các TCXH.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ việc phân tích thực trạng quan hệ giữa các tổ chức xã hội và nhà nước pháp quyền ở Chương 3 của luận án, luận án nêu lên một số phương hướng và giải pháp hoàn thiện mối quan hệ này ở Việt Nam hiện nay như sau:

4.1. Một số phương hướng cơ bản hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4.1.1. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đảm bảo toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NN PQ XHCN, đáp ứng yêu cầu đang đặt ra của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là nhân tố mang ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước, dân chủ hóa đời sống xã hội. Cần tập trung xây dựng và hoàn thiện nhằm bảo đảm Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự là của dân, do dân, vì dân; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người dân, của các TCXH; đồng thời, có cơ chế để người dân thực hiện tốt nhất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội. Đây là quan điểm thể hiện sự nhận thức lâu dài và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về việc đề cao chủ quyền của nhân dân trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

4.1.2. Hình thành và phát triển các tổ chức xã hội đáp ứng yêu cầu phát huy dân chủ trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Thực tiễn và lý luận cho thấy rằng muốn xây dựng Thực tiễn và lý luận cho thấy rằng muốn xây dựng NN PQ chúng ta phải bắt đầu từ việc đời sống xã hội dân sự và mở rộng dân chủ mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Vấn đề xây dựng và phát

triển các TCXH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, cần nhấn mạnh các vấn đề sau đây:

- Xây dựng, phát triển các TCXH phải gắn liền với cải cách HTCT.

- Xây dựng, phát triển các TCXH gắn liền với việc mở rộng dân chủ; giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Xây dựng, phát triển các TCXH gắn liền với xây dựng NNQP, hoàn thiện thể chế KTTT. KTTT, NNQP và đời sống xã hội dân sự (nòng cốt là các TCXH) là ba thể chế trụ cột tạo sự ổn định và phát triển của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

4.1.3. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và tổ chức xã hội

Đảm bảo sự lãnh đạo và không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với NNQP và các TCXH là một vấn đề có tính nguyên tắc. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là trong bối cảnh xây dựng NNQP XHCN, vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng nói chung và các tổ chức cơ sở đảng tại các địa phương nói riêng đòi hỏi phải được xác định trong các phạm vi, mức độ, hình thức và phương thức cụ thể để có thể bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá... thúc đẩy dân chủ và bảo vệ quyền con người.

4.2. Những nhóm giải pháp chủ yếu hoàn thiện mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Việc hoàn thiện mối quan hệ giữa TCXH và NNQP XHCN Việt Nam hiện nay cần phải thực hiện đồng bộ những giải pháp toàn diện. Xuất phát từ thực tiễn mối quan hệ này, chúng tôi nhấn mạnh những nhóm giải pháp sau:

4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

Cần tiếp tục đổi mới và nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vấn đề này, trong đó tập trung ở một số điểm:

Một là, nâng cao nhận thức của Đảng, Nhà nước và người dân về vai trò của NNQP đối với các TCXH.

Hai là, nâng cao nhận thức về vai trò của các TCXH đối với NNPQ XHCN.

Ba là, nâng cao nhận thức của người dân và chính quyền các cấp về dân chủ, về vai trò, vị trí của của các đoàn thể nhân dân, các hội, tổ chức phi chính phủ, các cộng đồng công dân...

Bốn là, giáo dục, nâng cao nhận thức về các quyền cá nhân và trách nhiệm cộng đồng.

Năm là, nâng cao nhận thức của người dân về năng lực và tiềm năng của mình trong việc thực thi dân chủ và tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.

Sáu là, việc nâng cao nhận thức của Đảng, Nhà nước và người dân về mối quan hệ giữa các TCXH và NNPQXHCN có thể được thực hiện thông qua nhiều kênh.

4.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và Nhà nước pháp quyền

Cụ thể, trong thời gian tới, theo chúng tôi, cần tập trung vào giải quyết những vấn đề sau đây:

Một là, xây dựng và hoàn thiện thể chế NNPQ XHCN.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện các khung pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các TCXH.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về chức năng giám sát, phản biện xã hội của các TCXH.

4.2.3. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Thứ nhất, tiếp tục đảm bảo quyền tự do dân chủ của người dân.

Thứ hai, đổi mới cơ chế thảo luận và ra quyết định.

Thứ ba, tăng cường quyền tham gia của người dân vào các quá trình kinh tế - xã hội..

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phản biện và giám sát xã hội.

4.2.4. Nhóm giải pháp về nguồn lực

Thứ nhất, thúc đẩy và hoàn thiện các thể chế, quan hệ thị trường chính là để xác lập cơ sở kinh tế cho NNPQ và TCXH.

Thứ hai, cần có cơ chế, chính sách tạo cơ sở vật chất và các nguồn lực tài chính cho các TCXH.

Thứ ba đẩy mạnh hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho các TCXH.

Thứ tư, hợp tác với các TCXH nước ngoài để kết hợp, chia sẻ các nguồn lực, hỗ trợ về tài chính, kinh nghiệm hoạt động.

Điều cần nhấn mạnh là hệ thống các phương hướng và giải pháp trên cần được triển khai một cách đồng bộ, tích cực và có sự đồng thuận cao của toàn xã hội thì mối quan hệ giữa TCXH và NN PQ XHCN Việt Nam mới thực sự phát huy vai trò trong thực tiễn.